

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 347/2021/DS-PT

Ngày: 08/10/2021

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Chí Anh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Nam

Bà Nguyễn Thu Hồng

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Ngô Phương L - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 29/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 84/2020/DSST, ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Thông báo mở lại phiên tòa số 416/2021/TB - MPT ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Kiều Thị M, sinh năm 1956

Địa chỉ: Xóm 13 thôn Đục Khê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

Bị đơn: Bà Hồ Thị L, sinh năm 1955

Địa chỉ: Xóm 11 thôn Đục Khê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Kiều Thị M trình bày:

Từ năm 2011 bà có cho bà Hồ Thị L vay tiền nhiều lần và mỗi lần vay đều có giấy biên nhận, số điện thoại, chứng minh nhân dân và có chữ ký của bà Hồ Thị L. Đến ngày 30/4/2012 giữa bà và bà Hồ Thị L đã tổng hợp lại tất cả khoản vay nợ mà

bà L còn nợ tổng số tiền là 3.612.790.000đ (Ba tỷ sáu trăm mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng), có chữ ký xác nhận của bà và bà L, nội dung viết tay trên Giấy vay tiền là chữ của bà Hồ Thị L. Do có quan hệ quen biết, chơi thân với nhau nên bà đã cho bà L vay tiền, còn bà L vay tiền của bà để làm gì thì là quyền của bà L, bà không biết.

Mặc dù đã yêu cầu bà L và nói chuyện với gia đình bà L nhiều lần để trả tiền nhưng từ 30/4/2012 đến nay bà L đều khát nợ, không trả tiền cho bà. Đối với khoản tiền bà cho vay đây là tiền của bà, không liên quan đến bất kì ai trong gia đình bà cả.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Hồ Thị L thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 3.612.790.000đ (Ba tỷ sáu trăm mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật.

Còn đối với việc bà Hồ Thị L ủy quyền cho bà đòi hộ tiền của vợ chồng ông Vương Văn Ba là do trước đây bà và bà L có mối quan hệ chơi với nhau thân thiết. Bà L không đòi được tiền mà bà L cho vợ chồng ông Ba vay nên ủy quyền lại cho bà đòi hộ nhưng bà cũng không đòi được. Đó là việc vay nợ giữa bà L và vợ chồng ông Ba, bà không có liên quan và bà L không có quyền chuyển nợ của ông Ba sang cho bà.

Bị đơn bà Hồ Thị L trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Kiều Thị M là yêu cầu bà thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc là 3.612.790.000đ (Ba tỷ sáu trăm mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) và lãi suất theo quy định của pháp luật, bà L không đồng ý với số tiền nợ gốc như trên. Bà cho biết, do trình độ văn hóa thấp, thực tế là bà M đưa tiền cho bà nhiều lần, sau đó bà có ký nhận vào giấy tờ vay tiền. Chốt tổng lại bà đã nhận trực tiếp của bà M tổng số tiền nợ gốc là 2.230.000.000đ (hai tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng), sau đó đã trả được 200 triệu đồng, còn nợ gốc với bà M là 2.030.000.000đ (hai tỷ không trăm ba mươi triệu đồng), ngoài ra là tiền lãi và 350 triệu đồng bà đưa cho vợ chồng ông Vương Văn Ba vay tính tổng vào mới thành 3.612.790.000đ (Ba tỷ sáu trăm mười hai triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) như bà M trình bày. Các lần nhận tiền bà đều có ký vào giấy vay nợ với bà M, có chữ ký của bà. Còn đối với Giấy vay tiền ngày 30/4/2012 bà M xuất trình cho Tòa án, bà xác nhận đây là chữ ký của bà nhưng bà ký trước đó còn nội dung thì bà M ghi. Còn đối với Giấy vay tiền còn lại mà bà M xuất trình đã gạch chéo bà cho rằng không có giá trị vì bà đã trả rồi, nên bà không chấp nhận, đối với những giấy vay tiền có chữ ký của bà mà không gạch chéo thì bà chấp nhận. Đối với việc vay nhận tiền của bà M, bà khẳng định không liên quan đến các thành viên trong gia đình của bà, không sử dụng vào mục đích phát triển kinh tế của gia đình.

Những lần nhận tiền của bà M, bà đưa cho vợ chồng ông Vương Văn Ba vay toàn bộ số tiền trên để ông Ba cần tiền để làm ăn công trình. Nay bà M yêu cầu Tòa án giải quyết bà chỉ nhất trí trả bà M số tiền nợ gốc là 2.030.000.000đ (hai tỷ không trăm ba mươi triệu đồng) và tiền lãi nhưng bà chỉ đồng ý trả số tiền trên cho bà M khi bà đòi được tiền mà vợ chồng ông Vương Văn Ba nợ bà. Vì bà cho rằng bà chỉ là người ở giữa nhận tiền của bà M để đưa hộ tiền cho vợ chồng ông Vương Văn Ba vay). Sau khi chót nợ ngày 30/4/2012 hàng tháng bà vẫn trả nợ bà M (tài liệu chứng cứ này tại phiên họp kiểm tra công khai, chứng cứ và hòa giải bà chưa xuất trình được). Ngoài ra, bà cho biết, năm 2012 bà M đã từng bắt bà làm Giấy ủy quyền để bà giao trả vợ chồng ông Ba và bà M đã ký kết ở Ủy ban nhân dân xã Hương Sơn và lên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, bà M bắt bà bàn giao toàn bộ số tiền nợ của vợ chồng ông Ba để trả bà M, có ký kết giữa bà, bà M và vợ chồng ông Ba, bà M nhất trí cho vợ chồng ông Ba số tiền lãi hơn 1 tỷ và chỉ yêu cầu vợ chồng ông Ba trả số tiền hơn 3 tỷ đồng (văn bản ký kết này bà không có, chỉ có bà M và ông Ba giữ).

Tại bản án sơ thẩm số 84/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị M đối với bà Hồ Thị L
2. Buộc bà Hồ Thị L phải trả cho bà Kiều Thị M tổng số tiền gốc đã vay theo Giấy vay tiền ngày 30/4/2012 là 3.612.790.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với quyết định bản án sơ thẩm, ngày 09/10/2020, bị đơn bà Hồ Thị L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại từ đầu

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Các đương sự không xuất trình tài liệu chứng cứ gì thêm và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về nội dung: Bà L kháng cáo cho rằng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà phải trả số tiền 3.612.790.000 đồng là không có căn cứ. Bà chỉ là người ký nhận tiền của bà M để đưa cho ông Ba vay tuy nhiên bà L không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh việc ông Ba vay tiền của bà M, bà M không thừa nhận sự việc trên. Quá trình giải quyết ông Ba có lời khi chỉ vay tiền của bà L. Bà L còn cho rằng số tiền

3.612.790.000 đồng là tiền lãi cộng với tiền gốc nhưng không có tài liệu để chứng minh. Tuy nhiên, bà L thừa nhận bà có ký vào giấy vay tiền ngày 30/4/2012 và tại phiên tòa sơ thẩm bà L cũng thừa nhận bà không bị cưỡng bức, đe dọa ký vào giấy nhận nợ (BL114). Tòa án cũng đã trưng cầu giám định đối với chữ ký của bà L trong giấy vay tiền ngày 30/4/2012, kết luận đúng là chữ ký, chữ viết của bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu đòi nợ của bà M, buộc bà L phải trả cho bà M tổng số tiền 3.612.790.000 đồng đã vay theo Giấy vay tiền ngày 30/4/2012 là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS năm 2015 Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 84/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức. Bác đơn kháng cáo của bị đơn bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, căn cứ theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức xét xử vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

- Về kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn - bà Hồ Thị L có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, bà L là người cao tuổi nên không phải chịu án phí phúc thẩm, do đó kháng cáo của bà L hợp lệ về mặt hình thức.

2. Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy

- Về căn cứ xác định việc vay nợ giữa các bên đương sự:

Căn cứ trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được thể hiện:

Ngày 30/4/2021 bà Hồ Thị L viết “*Giấy vay tiền*” của bà Kiều Thị M với số tiền vay là 3.612.790.000 (ba tỷ sáu trăm mười hai triệu bảy trăm chín mươi triệu nghìn) đồng, thời gian vay từ ngày 30/4/2021 và không xác định thời hạn vay.

Nguồn gốc của số tiền này các bên đều xác nhận do bà L nhiều lần vay tiền của bà M, đến ngày 30/4/2021 các bên chốt lại tổng số tiền bà L đã vay của bà M với số tiền nêu trên.

Bị đơn - bà L cho rằng tổng số tiền gốc bà nhận trực tiếp của bà M chỉ là 2.030.000.000 đồng, ngoài ra là tiền lãi và 350.000.000 đồng bà L đưa cho ông Vương Văn Ba vay, do đó số tiền lên tới 3.612.790.000 đồng như trong Giấy vay tiền ngày

30/4/2021. Do đó bà L chỉ chấp nhận trả cho bà M số tiền 2.030.000.000 đồng và tiền lãi, tuy nhiên bà L chỉ đồng ý trả khoản tiền này sau khi ông Vương Văn Ba và vợ là bà Phạm Thị Hoa trả nợ cho bà. Ngoài những trình bày trên bà L không xuất trình tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã lấy lời khai của ông Vương Văn Ba, bà Phạm Thị Hoa và tiến hành đối chất giữa ba bên để làm sáng tỏ việc vay nợ tiền giữa bà L, bà M với vợ chồng ông Ba. Qua lời khai của các bên có căn cứ để xác định, vợ chồng ông Vương Văn Ba có vay tiền của bà Hồ Thị L, tuy nhiên việc vay nợ tiền giữa ông Ba và bà Hoa với bà L không liên quan gì đến việc vay nợ tiền giữa bà L với bà M, đây là hai giao dịch dân sự độc lập. Đối với sự việc vào khoảng năm 2013-2014 bà L có ủy quyền cho bà M để đòi tiền nợ của vợ chồng ông Ba cho bà L cũng không liên quan đến việc giải quyết vụ án này. Ông Ba, bà Hoa và bà M cũng đã khẳng định bà M chưa đòi được tiền của vợ chồng ông Ba. Do đó việc bà L cho rằng bà chỉ đồng ý trả tiền cho bà M sau khi vợ chồng ông Ba, bà Hoa trả nợ cho bà là không có căn cứ để chấp nhận.

- Xét “Giấy vay tiền” ngày 30/4/2012, Hội đồng xét xử xét thấy,

+ Về hình thức, việc vay nợ tiền giữa bà M với bà L được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký, chữ viết của bên vay tiền là bà Hồ Thị L và bên cho vay là bà Kiều Thị M. Quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, những lời khai ban đầu bà L thừa nhận chữ ký và chữ viết trên “Giấy vay tiền” ngày 30/4/2012 là của bà, tuy nhiên sau đó bà L cho rằng do thời gian đã lâu nên bà không nhớ chính xác và nghi ngờ có người giả mạo chữ ký, chữ viết của bà trong “Giấy vay tiền” ngày 30/4/2012, do đó bà L đã đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm trưng cầu giám định đối với chữ ký, chữ viết của bà tại “Giấy vay tiền” nêu trên. Căn cứ vào Quyết định trưng cầu giám định số 01/2020/QĐ-TCGD ngày 07/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, căn cứ vào Kết luận giám định số 299/C09-P5 ngày 25/9/2020 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, đủ cơ sở để xác định chữ viết trên “Giấy vay tiền” ngày 30/4/2012 và chữ ký, chữ viết tại phần người vay tiền là của bà Hồ Thị L. Như vậy, có cơ sở để xác định các bên tham gia giao kết hợp đồng khi có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, đúng ý chí của các bên tham gia giao kết. Do đó, giấy vay tiền nêu trên hợp lệ về mặt hình thức.

+ Về nội dung: Giấy vay tiền ngày 30/4/2012 có nội dung bà Hồ Thị L, địa chỉ tại thôn Đục Khê, xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức, Hà Nội vay của bà Kiều Thị M số tiền 3.612.790.000 đồng, thời điểm vay là ngày 30/4/2012, hợp đồng vay không có thời hạn và không thỏa thuận về lãi suất. Nội dung của giấy này không vi phạm điều

cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp lệ về mặt nội dung, do đó giấy này có hiệu lực thi hành đối với các bên tham gia giao kết.

Tại cấp phúc thẩm các bên không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì, bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì về việc đã trả khoản nợ nêu trên cho nguyên đơn.

Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận bà Hồ Thị L nợ bà Kiều Thị M số tiền 3.612.790.000 đồng. Đến nay, bà M đã nhiều lần yêu cầu bà L trả nợ đối với số tiền này nhưng bà L khất lần và chưa trả được nợ cho bà M như đã cam kết, do đó bà M khởi kiện đề nghị Tòa án buộc bà L trả khoản nợ này. Căn cứ quy định tại các Điều 471, Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì việc bà M khởi kiện yêu cầu bà L trả tiền nợ là đúng quy định, Bản án sơ thẩm tuyên xử “Buộc bà Hồ Thị L phải trả cho bà Kiều Thị M tổng số tiền gốc đã vay theo Giấy vay tiền ngày 30/4/2012 là 3.612.790.000đ” là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Hồ Thị L.

Đối với yêu cầu tính lãi: Căn cứ Khoản 4 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005 *“Trong trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi đối với khoản nợ chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn chậm trả tại thời điểm trả nợ, nếu có thỏa thuận”*, như vậy việc bà M yêu cầu bà L phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi có cơ sở để chấp nhận, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định “do các bên không có thỏa thuận về tính lãi khi đến hạn không trả gốc nên không chấp nhận yêu cầu tính lãi” là chưa phù hợp. Tuy nhiên, bà Kiều Thị M không có yêu cầu kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét về vấn đề này.

Đối với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

3. Về án phí: Bà Kiều Thị M và bà Hồ Thị L đều được xác định là người cao tuổi theo Luật người cao tuổi năm 2016, do đó đều không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 121, Điều 122, Điều 471, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005
- Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2016

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 84/2020/DSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, thành phố Hà Nội.

Tuyên xử

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Kiều Thị M về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” đối với bà Hồ Thị L.

2. Buộc bà Hồ Thị L phải trả cho bà Kiều Thị M số tiền 3.612.790.000 (*ba tỷ sáu trăm mười hai triệu, bảy trăm chín mươi nghìn*) đồng theo “Giấy vay tiền” ngày 30/4/2012.

3. Về án phí:

- Bà Kiều Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Hồ Thị L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trương Chí Anh